

Số: 148/BC-THTL

Thăng Long, ngày 06 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2023-2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở giáo dục:** Trường Tiểu học Thăng Long

2. **Địa chỉ:**

Thôn Lộ Xá, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Trang web: <https://TMT-QLNT-km-ththanglong.haiduong.edu.vn>

3. **Loại hình:** Trường công lập

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu**

- **Sứ mạng:** Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, kỉ cương, tình thương, trách nhiệm; mọi học sinh được bình đẳng, phát triển toàn diện.

- **Tầm nhìn:** Xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông 2018.

- **Mục tiêu:** Nâng cao vị thế của nhà trường trong khối các trường tiểu học trong toàn thị xã. Giáo viên, học sinh tự tin, năng động, có khát vọng vươn lên.

Phân đầu đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

5. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Trường được thành lập từ tháng 9 năm 1956 mang tên Trường cấp 1 Thăng Long; Tháng 9 năm 1976 trường sáp nhập với trường cấp 2 thành trường PTCS Thăng Long; Năm 1993 trường được tách ra từ trường PTCS và mang tên trường Tiểu học Thăng Long; Năm 1997 huyện Kim môn được tách thành 2 huyện Kim Thành và Kinh Môn, trường Tiểu học Thăng Long từ đây được thành lập theo QĐ số 108/QĐ-UBND huyện Kinh Môn ngày 20/8/1997 (nay là thị xã Kinh Môn).

Hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường luôn duy trì và phát triển tốt. Nhiều năm liền được công nhận là Tập thể Lao động Tiên tiến. Năm 2005 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và công nhận lại mức độ 1 lần thứ 4 vào tháng 8 năm 2020.

6. **Thông tin người đại diện**

Hiệu trưởng: Trần Quang Ngọc

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi là việc: Thôn Lộ xá, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0913.929966;

Email: tqngoc2009@gmail.com

7. **Tổ chức bộ máy**

a. **Quyết định thành lập**

- Quyết định số 108/QĐ-UBND huyện Kinh Môn ngày 20/8/1997
- Quyết định số 1532/QĐ-UBND thị xã Kinh Môn ngày 01/11/2019 (do thay đổi từ UBND huyện Kinh Môn lên UBND thị xã Kinh Môn)

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường

Quyết định số 542/QĐ-PGDĐT ngày 14/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Kinh Môn về việc kiện toàn Hội đồng trường tiểu học Thăng Long nhiệm kỳ 2019-2024.

Chủ tịch Hội đồng trường: Trần Quang Ngọc - Hiệu trưởng

Danh sách thành viên Hội đồng:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh Hội đồng trường
1	Trần Quang Ngọc	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Nguyễn Thị Hoa Phượng	Chủ tịch công đoàn	Phó CT Hội đồng
3	Phạm Thị Bích Lan	Giáo viên tổ 1-2-3	Thư ký
4	Hoàng Thị Thu Thành	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
5	Lưu Thị Hảo	Tổ trưởng tổ 4-5	Ủy viên
6	Trần Thị The	Tổ trưởng tổ 1-2-3	Ủy viên
7	Bùi Thị Thu Thảo	Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên
8	Trần Văn Khải	Phó chủ tịch UBND xã	Ủy viên
9	Lương Văn Đại	Trưởng ban đại diện CMHS trường	Ủy viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Hiệu trưởng: Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thị xã Kinh Môn về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

- Phó hiệu trưởng: Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thị xã Kinh Môn về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sơ đồ tổ chức

- Có quy chế hoạt động (Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-THTL ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Thăng Long)

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng để thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức:

Chi bộ, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, Công đoàn, đoàn thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, Liên đội

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng:

Hiệu trưởng: Trần Quang Ngọc

Điện thoại: Di động 0913.929966;

Email: tqngoc2009@gmail.com

Địa chỉ cơ quan: Trường Tiểu học Thăng Long, thôn Lộ Xá, xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng:

- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về quản lý, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động trong nhà trường theo điều lệ trường Tiểu học. Đánh giá chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó;

- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, tuyển chuyên, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

- Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

- Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

- Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

- Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

- Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

- Chủ trì các cuộc họp giao ban BGH, Hội đồng hàng tháng; các hội nghị của nhà trường. Ký duyệt kế hoạch năm học của PHT, TTCM và các bộ phận chuyên môn khác.

- Thực hiện đánh giá, xếp loại CBQL, GV theo tiêu chuẩn NNGVTH theo TT20/2018, TT14/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện giảng dạy 2 tiết/ tuần lớp 5A.

- Phụ trách sinh hoạt tổ chuyên môn: 4-5; tổ Văn phòng.
- Chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

- Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Nhà trường xây dựng hiến lược phát triển của cơ sở giáo dục giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030; Có đầy đủ Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc, Quy chế thi đua - khen thưởng, Quy chế thực hiện công khai, Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công trong nhà trường, Quy tắc ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; cùng nhiều kế hoạch theo hướng dẫn của các cấp.

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh			Chuẩn nghề nghiệp		
			Th/S	ĐH	CD	TC	II	III	IV	Tốt	Khá	TB
	Tổng số CBQL, GV, NV	30	1	29			6	22	2	25	2	
1	Cán bộ QL	2	1	1			1	1		2		
2	Giáo viên	25		25			5	20		23	2	
	Dạy VH	19		19			4	15		18	1	
	Tiếng anh	1		1				1		1		
	Mỹ thuật	1		1			1			1		
	Thể chất	2		2				2		1	1	
	Tin học	1		1				1		1		
	Âm nhạc	1		1				1		1		
3	Nhân viên	3		3				1	2			

2. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp (tự đánh giá)

- Hiệu trưởng: Tốt
- Phó Hiệu trưởng: Tốt
- Giáo viên: Tổng 25, trong đó: Tốt: 23 chiếm tỉ lệ 92%; Khá 2, chiếm tỉ lệ 8%

3. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên hoàn thành Bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 27/27 đạt 100%

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường có 01 điểm trường tại xã Thăng Long, Kinh Môn, Hải Dương

Tổng diện tích đất: 7351 m². Bình quân: 14 m²/học sinh.

Sân chơi: 1700 m². . Sân tập: 400 m²

1. Khối phòng phục vụ học tập và phòng hành chính quản trị

Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)
1. Khối phòng hành chính, quản trị			2. Khối phòng học tập		
Phòng HT	01	36	Phòng học VH	19	54
Phòng PHT	01	18	Phòng Tin học; KHCN	1	48
Phòng VT-KT (VP)	01	18	Phòng học TA	0	0
Phòng Bảo vệ	01	15	Phòng Âm nhạc	0	0
Khu để xe giáo viên	01	120	Phòng Mỹ thuật	0	0
Khu vệ sinh CBGV	02	15	Phòng đa chức năng	0	0
Phòng TC Đảng, đoàn thể	0	0			
3. Khối phòng hỗ trợ học tập			4. Khối phụ trợ		
Thư viện	01	120	Phòng họp	01	48
Phòng Thiết bị	01	36	Phòng Y tế	01	20
Tư vấn học đường, hỗ trợ HS KT	0	0	Khu nhà xe cho HS	01	150
Phòng Đoàn đội	01	18	Khu vệ sinh HS	02	20
Phòng Truyền thống	0	0	Phòng nghỉ GV	02	18
			Cổng, tường rào	Có	Có
			Nhà kho	0	0
5. Khu sân chơi, thể dục thể thao			6. Khối phụ vụ sinh hoạt		
Sân trường	1	1700	Nhà bếp	0	0
Bãi tập	1	400	Kho bếp	01	18
Sân tập mái che	0	0	Khu nhà bán trú	0	0
Nhà đa năng	0	0	Phòng quản lý học sinh	0	0
			Nhà ăn	0	0

2. Công trình vệ sinh

Nhà vệ sinh	Số lượng	Diện tích	Bệ tiểu	Bệ xí	Vòi rửa tay	Loại Công trình
1. Giáo viên	3	40	4	4	4	
Nam	1	15m ²	1	1	1	Tự hoại
Nữ	2	25m ²	3	3	3	Tự hoại
2. Học sinh	2	40		6	10	
Nam	1	20 m ²		3	5	Tự hoại
Nữ	1	20 m ²		3	5	Tự hoại
Tổng số (1+2)	4	80m²	8	10	10	

3. Thiết bị dạy học

TT	Tên thiết bị	Tổng số	Hiện trạng		
			Đang sử dụng	Đang hỏng	Chờ thanh lý
1	Máy tính để bàn cho CBQL, NV	4	4		
2	Máy tính để bàn cho dạy học	18	18		
3	Máy tính xách tay cho CBQL, NV	2	2		
4	Máy in (Printer)	5	5		
5	Máy chiếu (Projector)	2	0	2	2
6	Bảng thông minh	1	1		
7	Tivi	20	20		
8	Phòng máy vi tính cho dạy học	1	1		
9	Bộ đồ dùng đồng bộ	19	19		
10	Đồ dùng dạy học dùng chung	5	5		
11	Đàn Organ	11	11		
12	Giá vẽ 2 mặt	35	35		

4. Sách giáo khoa: Sử dụng bộ sách Cánh diều

(Danh mục sách giáo khoa lớp 5 được chọn sử dụng trong trường Tiểu học Thăng Long)

Stt	Môn/ Hoạt động GD	Tên sách giáo khoa
1	Tiếng Việt	Sách Tiếng Việt - lớp 5 tập 1, tập 2 - Tổng chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - Nhà xuất bản Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
2	Toán	Sách Toán - lớp 5 (tập 1, tập 2) - Tổng chủ biên: Đỗ Đức Thái - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - Nhà xuất bản Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
3	Đạo đức	Sách Đạo đức - lớp 5 - Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Mĩ Lộc - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - Nhà xuất bản Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học	Sách Khoa học - lớp 5 - Tổng chủ biên: Bùi Phương Nga - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Lịch sử và Địa lí	Sách Lịch sử và Địa lí - lớp 5 - Tổng chủ biên: Đỗ Thanh Bình - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Hoạt động trải nghiệm	Sách Hoạt động trải nghiệm - lớp 5 - Tổng chủ biên: Nguyễn Dục Quang - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

7	Tin học	Sách Tin học - lớp 5 - Tổng chủ biên: Hồ Sĩ Đàm - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Công nghệ	Sách Công nghệ - lớp 5 - Tổng chủ biên: Nguyễn Trọng Khanh - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
9	Giáo dục thể chất	Sách Giáo dục thể chất - lớp 5 - Tổng chủ biên: Đinh Quang Ngọc - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Mỹ thuật	Sách Mỹ thuật - lớp 5 (bản 1) - Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Nhung - Thuộc bộ sách: Chân trời sáng tạo - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Âm nhạc	Sách Âm nhạc - lớp 5 - Tổng chủ biên: Lê Anh Tuấn - Thuộc bộ sách: Cánh Diều - NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
12	Tiếng anh	Sách Tiếng anh 5 Global Success. - Tổng chủ biên: Hoàng Văn Vân, - Thuộc bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

a. Kết quả tự đánh giá

Năm học 2023-2024, qua quá trình tự đánh giá trường học theo Tiêu chuẩn chất lượng trường tiểu học, nhà trường tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Có 27/27 tiêu chí đạt mức 2, trong đó có 15/27 tiêu chí đạt mức 3

- Cụ thể các tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chuẩn 1: Tiêu chí 1.1; 1.3; 1.4; 1.6.

Tiêu chuẩn 2: Tiêu chí 2.1; 2.2; 2.4.

Tiêu chuẩn 3: Tiêu chí 3.5; 3.6.

Tiêu chuẩn 4: Tiêu chí 4.1; 4.2.

Tiêu chuẩn 5: Tiêu chí 5.2; 5.3; 5.4; 5.5.

- Các tiêu chí chưa đạt mức 3:

Tiêu chuẩn 3: Tiêu chí 3.1; 3.2; 3.3.

b. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu với địa phương đầu tư CSVC xây các phòng học bộ môn, nhà đa năng, sân tập.

Cải tạo hệ thống thoát nước, xây dựng thêm công trình vệ sinh học sinh

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục,

đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm

Tháng 8 năm 2020, trường đánh giá ngoài và công nhận kiểm định cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia mức độ 1

Sau khi được kiểm tra đánh giá, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch số 15/KH-THTL, ngày 12/4/2021) và kế hoạch hàng năm.

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 (Kế hoạch số 123/KH-THTL ngày 12/9/2023)

Các kế hoạch đưa ra các giải pháp và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng tự đánh giá. Yêu cầu các nhóm công tác xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của nhóm mình phụ trách. Chỉ ra những minh chứng cần bổ sung cho những năm tiếp theo. Tiếp tục thu thập minh chứng. Tăng cường công tác tham mưu với các cấp để nâng cao chất lượng các chỉ báo.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả giáo dục năm học 2023-2024

1.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

a) *Kết quả tuyển sinh:* Hội đồng đã xét tuyển 109 em vào lớp 1 năm học 2023- 2024. (chuyển đi 2 em)

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Tổng số HS theo từng khối	557	107	101	108	111	130
2	Số HS bình quân/lớp theo từng khối	29,3	26,8	33,7	27	27,8	32,5
3	Số hS học 2 buổi/ngày	557	107	101	108	111	130
4	Học sinh nữ	247	47	50	55	48	57
5	Học sinh là người dân tộc thiểu số	3	1	1	1		
6	Học sinh khuyết tật;	6	3	1	1		1

b) *Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường*

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Số lượng học sinh chuyển trường	5	2			2	1
2	Tiếp nhận học sinh học tại trường	1			1		

Khối	Số sĩ	Mức độ	Đạo đức		Âm nhạc		Mỹ thuật		Kỹ thuật		Thể dục	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
5	130	T	81	62,79	61	47,29	69	53,49	75	58,14	68	52,71
		H	48	37,21	68	52,71	60	46,51	54	41,86	61	47,29
		C										

b. Đánh giá về năng lực và phẩm chất

* Đánh giá theo thông tư 27 (Đối với lớp 1; 2; 3; 4)

Tổng số học sinh được đánh giá năng lực và phẩm chất theo thông tư 27 đối với lớp 1+2+3+4 là: 422 học sinh. 100% học sinh được đánh giá là Tốt và đạt

* Đánh giá theo thông tư 22 (Đối với lớp 5)

Tổng số học sinh được đánh giá năng lực và phẩm chất theo thông tư 22 đối với lớp 5 là: 129 học sinh. 100% học sinh được đánh giá là Tốt và đạt

1.3. Xét HTCT lớp học, HTCTTH

- Học sinh lên lớp: $422/422 = 100\%$
 - Học sinh chưa HT lớp học: 0
 - Học sinh khuyết tật: Toàn trường có 6 học sinh khuyết tật
+ 04 học sinh khuyết tật được lên lớp; 01 HSKT ở lại lớp
 - Tổng số học sinh lên lớp cả khuyết tật là: 426 học sinh
 - Học sinh HTCTTH: $129/129 = 100\%$;
 - 01 HSKT hoàn thành chương trình tiểu học.
 - Tổng số HS lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học là 130
 - HS rèn luyện trong hè: 0HS
- 130/130 học sinh lớp 5 được công nhận HTCTTH đạt 100%

2. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài

Không thực hiện

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí ngân NSNN cấp năm 2023: 5.279.621.038 đồng
- Trong đó: + Nguồn tự chủ: 4.404.000.000 đồng

+ Nguồn không tự chủ: 875.621.038 đồng

*** Các khoản thu khác phục vụ, hỗ trợ học sinh trong năm học 2023-2024:**

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu
1	Dạy kỹ năng sống lớp 1+2+3 (1 tiết/tuần*27 tuần)	Tiết/học sinh	12.000
2	Dạy tiếng anh victoria lớp 1+2 (2 tiết/tuần*35 tuần)	Tiết/học sinh	5.000
3	Dạy học 2 buổi/ngày cả trường	Tiết/học sinh	5.000
4	Tiền ăn học sinh bán trú (hợp đồng suất ăn)	1 bữa/ngày/HS	23.000
5	Tiền công trông trưa học sinh bán trú	1 buổi/ngày/HS	3.000
6	Nước uống tinh khiết	Học sinh/tháng	7.000
7	Trông giữ xe đạp	Xe/tháng	9.000
8	Vệ sinh trường học	Học sinh/năm học	120.000
9	Đồng phục học sinh	ĐK theo nhu cầu	Tự nguyện
10	Tài trợ, viện trợ tăng cường CSVC trường học	Học sinh/năm học	Tự nguyện

***Tổng thu trong năm học = 2.252.976.440đồng. Trong đó:**

+Tiền dạy kỹ năng sống Lớp 1+2+3: 95.352.000đồng

+Tiền học tiếng Anh lớp 1+2: 68.000.000đồng

+Tiền học 2 buổi/ngày: 663.495.000đồng

+Tiền học sinh ăn bán trú: 828.276.000đồng

+Tiền công trông trưa học sinh bán trú: 105.138.000đồng

+Tiền nước uống tinh khiết cho học sinh: 34.152.000đồng

+Tiền trông giữ xe đạp học sinh: 17.073.000đồng

+Tiền đồng phục học sinh: 77.320.440đồng

+Tiền thuê lao động vệ sinh: 64.170.000đồng

+Tiền tài trợ cơ sở vật chất: 300.000.000đồng.

b) Các khoản chi phân theo:

*** Nguồn NSNN 2023: 5.279.621.000đồng**

- Chi con người (lương+bảo hiểm+các khoản phụ cấp): 4.449.202.000đ

- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất+chi khác: 830.419.000đ

*** Khoản thu khác phục vụ, hỗ trợ học sinh: 2.252.976.440đồng**

- Nộp thuế Nhà nước: 16.337.200đồng

- Chi tiền lương và thu nhập (*lương, và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...*): 850.778.345đồng

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (*chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho*

hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 1.356.640.895đồng.

- Chi khác: 29.220.000đồng
- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không
- Nguồn thu khác và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không

c) Các khoản thu và mức thu đối với học sinh dự kiến cho năm học 2024-2025

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Dạy kỹ năng sống	Tiết/học sinh	Chờ hướng dẫn cấp trên
2	Dạy tiếng anh victoria lớp 1+2 (2 tiết/tuần*35 tuần)	Tiết/học sinh	
3	Dạy học 2 buổi/ngày cả trường	Tiết/học sinh	
4	Tiền ăn học sinh bán trú (hợp đồng suất ăn)	1 bữa/ngày/HS	23.000
5	Tiền chăm sóc học sinh bán trú (nghỉ trưa)	1 buổi/ngày/HS	5.000
6	Nước uống tinh khiết	Học sinh/tháng	7.000
7	Trông giữ xe đạp	Xe/tháng	10.000
8	Vệ sinh trường học	Học sinh/tháng	20.000
9	Tài trợ, viện trợ tăng cường cơ sở vật chất trường học bằng tiền mặt	HS/năm học	không kêu gọi, phát động

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Không

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Dạy học Tin học

- Có phòng học Tin học với tổng số 18 máy tính được kết nối mạng internet; có máy chủ quản lý máy tính của học sinh

- Tổ chức dạy học Tin học cho 100% số lớp, số học sinh khối 3+4+5

2. Dạy tiếng Anh

- Trường có 02 giáo viên tiếng Anh có trình độ đại học

- Tổ chức dạy tiếng anh tự chọn 2 tiết/tuần cho 100% số học sinh khối 1+2;

Dạy tiếng anh 4 tiết/tuần cho 100% học sinh khối lớp 3+4+5

3. Dạy stem

Lồng ghép chương trình giáo dục Stem trong kế hoạch giáo dục môn học và hoạt động giáo dục.

100% các lớp tổ chức tiết học stem

4. Xây dựng trường học xanh-sạch-an toàn

Xây dựng mô hình cổng trường an toàn giao thông.

Thành lập đội tự quản và đội phát thanh măng non, thường xuyên phát các

bản tin tuyên truyền về thực hiện an toàn giao thông và an toàn trường học.

Tổ chức các buổi truyền thông về phòng chống tai nạn, thương tích, đuối nước.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo),
- Trang website,
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Quang Ngọc